TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN YÊN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2019/HNGĐ-ST
Ngày 16/7/2019
V/v "tranh chấp hôn nhân gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Đăng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Thiện
2. Ông Trần Anh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sự - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện VKSND huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 152/2019/TLST- HNGĐ ngày 14/5/2019 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2019/QĐST-HNGĐ ngày 11/6/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 60/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26/6/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị H, sinh năm 1967 (đề nghị xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1964 (vắng mặt)

Đều cư trú: phố B, thị trấn N, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn là bà Lê Thị H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Văn T kết hôn ngày 19/3/1988, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã A, huyện Tân Yên. Sau khi kết hôn, bà và ông T về chung sống với nhau. Trong quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Ông bà đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, hai bên không còn quan tâm đến nhau. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu được ly hôn ông T.

Về con chung, tài sản, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc, bà đã nộp đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại phiên toà, bà vắng mặt.

- Tại biên bản ghi lời khai ngày 16/5/2019, bị đơn là ông Nguyễn Văn T trình bày: ông và bà H kết hôn năm 1988, kết hôn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, chỉ gần 2 năm nay thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do hai bên không hợp nhau, và đã sống ly thân và làm ăn kinh tế riêng hơn 1 năm nay. Bà H có đơn xin ly hôn thì ông không muốn ly hôn, nhưng nếu bà H vẫn quyết tâm ly hôn thì ông tôn trọng quyết định của bà H. Về con chung, tài sản,công nợ: ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Nguyễn Văn T vắng mặt.

* Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Yên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn bà H chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn ông T không chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: ngày 25 tháng 4 năm 2019, Tòa án nhân dân huyện Tân Yên thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị H với bị đơn là ông Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại phố B, thị trấn N, huyện Tân Yên là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về tố tụng: ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, bà Lê Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bà Lê Thị H và ông Nguyễn Văn T.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của bà Lê Thị H:

Bà Lê Thị H và ông Nguyễn Văn T xác lập quan hệ hôn nhân là tự nguyện, hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật hôn nhân và gia đình, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã A, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử xét thấy bà H và ông T sau khi về chung sống thì thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông T hay uống rượu, chửi bới, hai bên không hợp nhau, vợ chồng đã sống ly thân và làm ăn kinh tế riêng từ lâu. Qua xác minh ở địa phương, nguyên nhân mâu thuẫn do ông T hay uống rượu, chửi bới. Vì vậy, xét mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân

không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung, tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: bà H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí:bà Lê Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: bà Lê Thị H được ly hôn ông Nguyễn Văn T.

[2] Về con chung, tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3] Án phí: bà Lê Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2017/0002497 ngày 14/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Yên. Xác nhận bà Lê Thị H đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- CCTHADS huyện Tân Yên;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Thế Đăng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Tân Yên;
- Chi cục THADS Tân Yên;
- UBND xã Tân Trung;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Vân

TOÀ ÁN NHÂN DÂN H. TÂN YÊN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 10 tháng 5 năm 2018.
Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Tân Yên
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân
Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Lâm Giang
Ông Nguyễn Quốc Sửu
Tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 38/2018/TLST-

HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2018 về Tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa:

** Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Quyến, sinh năm 1974 (có mặt)*

Nơi cư trú: Thôn Đồng Sào 1, xã Quang Tiến, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

** Bị đơn: Anh Nguyễn Phương Du, sinh năm 1976 (vắng mặt)*

Nơi cư trú: Thôn Quyên, xã Tân Trung, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Về áp dụng pháp luật:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Kết quả biểu quyết: 3/3

2. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Vũ Thị Quyến được ly hôn anh Nguyễn Phương Du.

Kết quả biểu quyết: 3/3

2. Về con chung: Chị Quyến xác định không có, Tòa án không xem xét giải quyết.

Kết quả biểu quyết: 3/3

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nghĩa vụ chung về tài sản, ruộng canh tác, công sức đóng góp trong thời gian ở chung: Chị Quyến xác định không có, Tòa án không xem xét giải quyết.

Kết quả biểu quyết: 3/3

4. Án phí: Chị Vũ Thị Quyến phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2017/0001834 ngày 26/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Yên. Xác nhận chị Vũ Thị Quyến đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Kết quả biểu quyết: 3/3

5. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày T án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 10 tháng 5 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét

xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Vân